

Mẫu số 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học

1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT (*Không xây dựng chỉ tiêu*)

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

Tuyển sinh trong cả nước; ưu tiên tuyển sinh các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc.

1.3. Phương thức tuyển sinh.

Xét tuyển theo điểm trung bình toán khóa học ở trung cấp, cao đẳng, đại học.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVHH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Kinh doanh và quản lý			303	Xét tuyển thẳng theo đề án của CSĐT	48				
	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh			24	784/QĐ-BGDĐT	28/02/2013	Bộ GD&ĐT	2015
	ĐH	7340301	Kế toán			24	784/QĐ-BGDĐT	28/02/2013	Bộ GD&ĐT	2015
2	Pháp luật					24				
	ĐH	7380101	Luật			24	87/QĐ-ĐHVB	03/8/2020	Trường tự chủ ban hành	2022
3	Máy tính và công nghệ thông tin					24				
	ĐH	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu			0	784/QĐ-BGDĐT	28/02/2013	Bộ GD&ĐT	2015
	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin			24	784/QĐ-BGDĐT	28/02/2013	Bộ GD&ĐT	2015
4	Kỹ thuật					48				
	ĐH	7520103	Kỹ thuật cơ khí			24	784/QĐ-BGDĐT	28/02/2013	Bộ GD&ĐT	2015
	ĐH	7520201	Kỹ thuật điện	24	784/QĐ-BGDĐT	28/02/2013	Bộ GD&ĐT	2015		
5	Nhân văn			48						

	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh		24	3255/QĐ-BGDĐT	29/8/2018	Bộ GD&ĐT	2020
	ĐH	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc		24	3255/QĐ-BGDĐT	29/8/2018	Bộ GD&ĐT	2020
6	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân				12				
	ĐH	7810101	Du lịch		12	86/QĐ-ĐHVB	03/8/2020	Trường tự chủ ban hành	2022
			Tổng số		204				

1.5. Ngưỡng đầu vào.

Điểm trung bình toán khóa học trung cấp, cao đẳng và đại học đạt từ 5,0 điểm (thang điểm 10) hoặc từ 2,0 điểm (thang điểm 4) trở lên.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.6.1. Thời gian đào tạo

STT	Trình độ đầu vào	Nội dung
1	VLVH đại trà	- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, thời gian đào tạo 4,5 năm.
2	VLVH liên thông từ trung cấp, cao đẳng lên đại học	- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng đúng ngành đăng ký học: Thời gian đào tạo 2,5 -1,5 năm. - Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng khác ngành với ngành đăng ký học thì phải học bổ sung, thời gian học bổ sung không quá 5 tháng. Lưu ý: <i>Thí sinh tốt nghiệp trung cấp phải có bằng tốt nghiệp THPT hoặc phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành).</i>
3	VLVH liên thông từ đại học sang đại học khác (văn bằng 2)	- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học khác ngành đăng ký học: Thời gian đào tạo 1,5 năm.

1.5.1. Phương thức đào tạo: Đào tạo theo tín chỉ tại Trường hoặc Đơn vị liên kết.

1.5.2. Bằng cấp: Bằng cử nhân đại học.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký theo thông báo tuyển sinh của Nhà trường.

1.8. Chính sách ưu tiên: Theo đối tượng và khu vực theo quy định của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Theo thông báo của Nhà trường.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Học phí theo quy định của Nhà trường được thông báo cụ thể theo từng kỳ và cả năm học.

- Lộ trình tăng học phí không quá 10% hàng năm và không vượt mức trần theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

STT	Ngành đào tạo	Học phí/1 tín chỉ	Áp dụng
1	Các khối ngành kỹ thuật	490.000 đồng/tín chỉ	- Áp dụng cho sinh viên

2	Ngành ngôn ngữ Hàn Quốc	560.000 đồng/tín chỉ	nhập học từ 01/05/2022
3	Các ngành đào tạo còn lại	465.000 đồng/tín chỉ	- Mức học phí áp dụng cho cả khóa học

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

STT	Thời gian nhận hồ sơ	Thời gian xét tuyển	Thời gian nhập học
1	Đợt 1: Từ 15/01 đến 01/03/2022	Từ ngày 01/03 đến 5/03/2022	Sau thời gian xét tuyển 10 ngày
2	Đợt 2: Từ 15/03 đến 30/06/2022	Từ ngày 01/7 đến 5/7/2022	
3	Đợt 3: Từ 15/07 đến 30/9/2022	Từ ngày 01/10 đến 5/10/2022	
4	Đợt 4: 15/10 đến 25/12/2022	Từ ngày 26/12 đến 30/12/2022	

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).